

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2021/NQ-HĐTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

(Dự thảo 2)

## **NGHỊ QUYẾT**

**Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự số  
91/2015/QH13 về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng**

### **HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

*Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 11 năm 2014;*

*Để áp dụng đúng và thống nhất một số quy định tại Chương XX về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;*

*Sau khi có ý kiến của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp,*

### **QUYẾT NGHỊ:**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này hướng dẫn một số quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Dân sự).

#### **Điều 2. Về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại quy định tại Điều 584 Bộ luật Dân sự**

1. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chỉ phát sinh khi có đầy đủ các yếu tố sau đây:

a) Có thiệt hại xảy ra;

b) Có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Hành vi xâm phạm là những hành vi (*xử sự*) trái pháp luật của con người được thể hiện thông qua hành động hoặc không hành động;

c) Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi xâm phạm. Thiệt hại xảy ra phải là kết quả tất yếu của hành vi xâm phạm và ngược lại hành vi xâm phạm là nguyên nhân gây ra thiệt hại.

d) Người gây thiệt hại không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp thiệt hại phát sinh là do sự kiện bất khả kháng hoặc hoàn toàn do lỗi của bên bị thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

2. Thiệt hại thực tế là thiệt hại có thực mà người bị thiệt hại phải chịu để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục những hậu quả do hành vi xâm phạm gây ra, trong đó bao gồm thiệt hại về vật chất và thiệt hại do tổn thất về tinh thần.

a) Thiệt hại về vật chất bao gồm: thiệt hại do tài sản bị xâm phạm quy định tại Điều 589 Bộ luật Dân sự; thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự; thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm quy định tại Điều 591 Bộ luật Dân sự; thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm quy định tại Điều 592 Bộ luật Dân sự;

b) Thiệt hại do tổn thất về tinh thần của cá nhân được hiểu là do sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm mà người bị thiệt hại hoặc do tính mạng bị xâm phạm mà người thân thích gần gũi nhất của nạn nhân phải chịu đau thương, buồn phiền, mất mát về tình cảm, bị giảm sút hoặc mất uy tín, bị bạn bè xa lánh do bị hiểu nhầm như mất đi tính thẩm mỹ, giảm khả năng giao tiếp xã hội, khả năng sinh hoạt cá nhân và các tổn thất tinh thần khác do bị xâm phạm về sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, uy tín và cần phải được bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất mà họ phải chịu.

Thiệt hại do tổn thất về tinh thần của pháp nhân được hiểu là do danh dự, uy tín bị xâm phạm, pháp nhân đó bị giảm sút hoặc mất đi sự tin nhiệm, lòng tin... vì bị hiểu nhầm và cần phải được bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất mà pháp nhân hoặc tổ chức khác không có tư cách pháp nhân phải chịu.

### 3. Nghĩa vụ chứng minh của đương sự:

a) Người yêu cầu bồi thường thiệt hại không có nghĩa vụ chứng minh lỗi của bên gây thiệt hại, phải nêu rõ từng khoản thiệt hại thực tế đã xảy ra, mức yêu cầu bồi thường và phải có chứng từ hoặc giấy biên nhận hợp lệ về các khoản chi phí hợp lý, về thu nhập của người bị thiệt hại;

b) Người chịu trách nhiệm bồi thường yêu cầu giảm mức bồi thường thiệt hại phải có tài liệu, chứng cứ về khả năng kinh tế của mình không đủ để bồi thường toàn bộ hoặc phần lớn thiệt hại đã xảy ra;

c) Bên bị thiệt hại hoặc bên gây thiệt hại yêu cầu thay đổi mức bồi thường thiệt hại phải có đơn xin thay đổi mức bồi thường thiệt hại. Kèm theo đơn là các tài liệu, chứng cứ làm căn cứ cho việc xin thay đổi mức bồi thường thiệt hại;

d) Việc chứng minh không có lỗi hoặc có lỗi vô ý thuộc nghĩa vụ của người chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và người bị yêu cầu bồi thường thiệt hại.

### **Điều 3. Về nguyên tắc bồi thường thiệt hại quy định tại Điều 585 Bộ luật Dân sự**

1. Khi giải quyết tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Tòa án phải thực hiện đúng nguyên tắc bồi thường thiệt hại quy định tại Điều 585 Bộ luật Dân sự; phải tôn trọng sự thỏa thuận của các bên về mức bồi thường, hình thức bồi thường và phương thức bồi thường, nếu thỏa thuận đó không vi phạm

điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

2. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì khi giải quyết tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cần chú ý:

a) Để xác định thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời, có nghĩa là khi có yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại do tài sản, sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm phải căn cứ vào các điều luật tương ứng của Bộ luật Dân sự quy định trong trường hợp cụ thể đó thiệt hại bao gồm những khoản nào và thiệt hại đã xảy ra là bao nhiêu, mức độ lỗi của các bên để buộc người gây thiệt hại phải bồi thường các khoản thiệt hại tương xứng;

b) Để thiệt hại có thể được bồi thường kịp thời, Tòa án phải giải quyết nhanh chóng yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại. Trong trường hợp cần thiết có thể áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết yêu cầu cấp bách của đương sự;

c) Người chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại chỉ có thể được giảm mức bồi thường khi có đủ hai điều kiện sau đây:

- Không có lỗi hoặc có lỗi vô ý mà gây thiệt hại;
- Thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế của mình;

Thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế của mình, là người phải bồi thường chỉ có khả năng bồi thường tối đa  $\frac{1}{2}$  thiệt hại tính bằng tiền;

d) Mức bồi thường thiệt hại không còn phù hợp với thực tế, có nghĩa là do có sự thay đổi về tình hình kinh tế, xã hội, sự biến động về giá cả mà mức bồi thường đang được thực hiện không còn phù hợp trong điều kiện đó hoặc do có sự thay đổi về tình trạng thương tật, khả năng lao động của người bị thiệt hại cho nên mức bồi thường thiệt hại không còn phù hợp với sự thay đổi đó hoặc do có sự thay đổi về khả năng kinh tế của người gây thiệt hại...

đ) Khi bên bị thiệt hại có lỗi trong việc gây thiệt hại là trường hợp người bị thiệt hại có lỗi một phần trong việc gây thiệt hại cho chính mình thì không được bồi thường đối với phần lỗi của mình gây ra;

e) Bên có quyền, lợi ích bị xâm phạm không được bồi thường phần thiệt hại xảy ra do không áp dụng các biện pháp cần thiết, hợp lý để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại cho chính mình, có nghĩa là trường hợp người bị thiệt hại có thể biết, nhìn thấy trước và có đủ điều kiện để ngăn chặn, hạn chế được thiệt hại xảy ra nhưng đã để mặc thiệt hại xảy ra.

**Điều 4. Về năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của cá nhân quy định tại Điều 586 Bộ luật Dân sự**

1. Khi thực hiện quy định tại Điều 586 Bộ luật Dân sự về năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của cá nhân, cần phải chú ý xác định đúng tư cách đương sự trong từng trường hợp; cụ thể như sau:

a) Trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 586 Bộ luật Dân sự thì người

gây thiệt hại là bị đơn dân sự, trừ khi họ mất năng lực hành vi dân sự;

b) Trường hợp quy định tại đoạn 1 khoản 2 Điều 586 Bộ luật Dân sự thì cha, mẹ của người gây thiệt hại là bị đơn dân sự;

c) Trường hợp quy định tại đoạn 2 khoản 2 Điều 586 Bộ luật Dân sự thì người gây thiệt hại là bị đơn dân sự và cha, mẹ của người gây thiệt hại là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

d) Trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 586 Bộ luật Dân sự thì cá nhân, tổ chức giám hộ là bị đơn dân sự.

2. Việc quyết định về bồi thường (lấy tài sản để bồi thường) phải cụ thể và theo đúng quy định tại Điều 586 Bộ luật Dân sự.

3. Việc xác định tuổi của cá nhân trong trường hợp người chưa thành niên mà giấy khai sinh chỉ có năm sinh không có ngày tháng sinh được thực hiện tương tự với việc xác định tuổi của người bị buộc tội, bị hại trong tố tụng hình sự được quy định tại Điều 417 Bộ luật Tố tụng hình sự và Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH ngày 21-12-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về phối hợp thực hiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi.

#### **Điều 5. Về thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại quy định tại Điều 588 Bộ luật Dân sự**

Việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng phát sinh trước hay sau ngày 01-01-2017 (ngày Bộ luật Dân sự có hiệu lực), thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại đều là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm là ngày có thiệt hại xảy ra.

Ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm là ngày xảy ra hành vi xâm phạm.

#### **Điều 6. Về chi phí hợp lý quy định tại Điều 590, Điều 591 và Điều 592 Bộ luật Dân sự**

Các khoản chi phí hợp lý quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều 590, các điểm b 1 Điều 591 và điểm a khoản 1 Điều 592 Bộ luật Dân sự là chi phí thực tế cần thiết, phù hợp với tính chất, mức độ của thiệt hại, phù hợp với giá trung bình ở từng địa phương tại thời điểm chi phí.

#### **Điều 7. Về thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự**

1. Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại bao gồm: tiền thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đi cấp cứu tại cơ sở y tế; tiền thuốc và tiền mua các thiết bị y tế, chi phí chiếu, chụp cộng hưởng từ, chụp X quang, chụp cắt lớp,

siêu âm, xét nghiệm, mổ, truyền máu, vật lý trị liệu... theo chỉ định của bác sỹ nơi người thiệt hại điều trị; tiền viện phí; tiền mua thuốc bổ, tiếp đạm, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khoẻ cho người bị thiệt hại theo chỉ định của bác sỹ nơi người thiệt hại điều trị; các chi phí thực tế, cần thiết khác cho người bị thiệt hại (nếu có) và các chi phí cho việc lắp chân giả, tay giả, mắt giả, mua xe lăn, xe đẩy, nạng chống và khắc phục thẩm mỹ... để hỗ trợ hoặc thay thế một phần chức năng của cơ thể bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại (nếu có).

2. Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại. Nếu trước khi sức khỏe bị xâm phạm người bị thiệt hại có thu nhập thực tế, nhưng do sức khỏe bị xâm phạm họ phải đi điều trị và do đó khoản thu nhập thực tế của họ bị mất hoặc bị giảm sút, thì họ được bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút đó.

a) Thu nhập thực tế của người bị thiệt hại được xác định như sau:

- Nếu trước khi sức khỏe bị xâm phạm, người bị thiệt hại có thu nhập ổn định từ tiền lương trong biên chế, tiền công từ hợp đồng lao động, thì căn cứ vào mức lương, tiền công của tháng liền kề trước khi người đó bị xâm phạm sức khỏe nhân với thời gian điều trị để xác định khoản thu nhập thực tế của người bị thiệt hại.

- Nếu trước khi sức khỏe bị xâm phạm, người bị thiệt hại có làm việc và hàng tháng có thu nhập thực tế nhưng mức thu nhập của các tháng khác nhau, thì lấy mức thu nhập trung bình của 6 tháng liền kề (nếu chưa đủ 6 tháng thì của tất cả các tháng) trước khi sức khỏe bị xâm phạm nhân với thời gian điều trị để xác định khoản thu nhập thực tế của người bị thiệt hại.

- Nếu trước khi sức khỏe bị xâm phạm, người bị thiệt hại có thu nhập thực tế, nhưng không ổn định và không thể xác định được, thì áp dụng mức thu nhập trung bình của tối thiểu 03 người lao động cùng loại tại xã, phường nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người bị thiệt hại tại thời điểm giải quyết vụ án có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú nhân với thời gian điều trị để xác định khoản thu nhập thực tế của người bị thiệt hại.

- Nếu trước khi sức khỏe bị xâm phạm, người bị thiệt hại chưa có việc làm và chưa có thu nhập thực tế thì không được bồi thường theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự

b) Xác định thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại được thực hiện như sau:

*Bước một:* Xác định thu nhập thực tế của người bị thiệt hại trong thời gian điều trị có hay không. Nếu có thì tổng số thu nhập là bao nhiêu.

*Bước hai:* Lấy tổng số thu nhập thực tế mà người bị thiệt hại có được trong thời gian điều trị so sánh với thu nhập thực tế tương ứng được xác định theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều này. Nếu không có khoản thu nhập thực tế nào của người bị thiệt hại trong thời gian điều trị thì thu nhập thực tế của người bị thiệt hại bị mất; nếu thấp hơn thì khoản chênh lệch đó là thu nhập thực tế của

người bị thiệt hại bị giảm sút; nếu bằng thì thu nhập thực tế của người bị thiệt hại không bị mất.

Ví dụ 1: A làm nghề sửa xe máy tự do. Thu nhập thực tế của A trước khi sức khỏe bị xâm phạm là ổn định, trung bình mỗi tháng là một triệu đồng. Do sức khỏe bị xâm phạm, A phải điều trị nên không có khoản thu nhập nào. Trong trường hợp này thu nhập thực tế của A bị mất.

Ví dụ 2: B làm công cho một công ty trách nhiệm hữu hạn. Thu nhập thực tế của B trước khi sức khỏe bị xâm phạm là ổn định, trung bình mỗi tháng là 6.000.000 đồng. Do sức khỏe bị xâm phạm, B phải điều trị và trong thời gian điều trị công ty trả cho B 50% tiền lương là 3.000.000 đồng. Trong trường hợp này thu nhập thực tế của B mỗi tháng bị giảm sút 3.000.000 đồng.

Ví dụ 3: C là công chức có thu nhập hàng tháng ổn định 5.000.000 đồng. Do sức khỏe bị xâm phạm, C phải điều trị và trong thời gian điều trị cơ quan vẫn trả đủ các khoản thu nhập cho C. Trong trường hợp này thu nhập thực tế của C không bị mất.

3. Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị.

a) Chi phí hợp lý cho người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị bao gồm: tiền tàu, xe đi lại, tiền thuê nhà trọ theo giá trung bình ở địa phương nơi thực hiện việc chi phí (nếu có) cho một trong những người chăm sóc cho người bị thiệt hại trong thời gian điều trị do cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ sở y tế;

b) Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị được xác định như sau:

- Nếu người chăm sóc người bị thiệt hại có thu nhập thực tế ổn định từ tiền lương trong biên chế, tiền công từ hợp đồng lao động thì căn cứ vào mức lương, tiền công của tháng liền kề trước khi người đó phải đi chăm sóc người bị thiệt hại nhân với thời gian chăm sóc để xác định khoản thu nhập thực tế bị mất.

- Nếu người chăm sóc người bị thiệt hại có làm việc và hàng tháng có thu nhập ổn định, nhưng có mức thu nhập khác nhau thì lấy mức thu nhập trung bình của 6 tháng liền kề (nếu chưa đủ 6 tháng thì lấy mức thu nhập trung bình của tất cả các tháng) trước khi người đó phải đi chăm sóc người bị thiệt hại nhân với thời gian chăm sóc để xác định khoản thu nhập thực tế bị mất.

- Nếu người chăm sóc người bị thiệt hại không có việc làm hoặc có tháng làm việc, có tháng không và do đó không có thu nhập ổn định thì được hưởng tiền công chăm sóc bằng mức tiền công trung bình trả cho người chăm sóc người tàn tật tại địa phương nơi người bị thiệt hại cư trú. Trường hợp không có cơ sở xác định mức tiền công trung bình trả cho người chăm sóc người tàn tật tại địa phương người bị thiệt hại cư trú thì lấy mức trợ cấp hàng tháng cho người chăm sóc thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên theo quy định của Nhà nước.

- Nếu trong thời gian chăm sóc người bị thiệt hại, người chăm sóc vẫn được cơ quan, người sử dụng lao động trả lương, trả tiền công lao động theo quy định của pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội thì họ không bị mất thu nhập thực tế và do đó không được bồi thường.

- Nếu không có người chăm sóc cho người bị thiệt hại mà thuê người chăm sóc thì chi phí hợp lý cho việc thuê người chăm sóc cho người bị thiệt hại trong thời gian điều trị cũng được xác định chi phí thực tế bị mất.

c) Người chăm sóc người bị thiệt hại cần được Tòa án xem xét để xác định là người có quyền, nghĩa vụ liên quan để bảo đảm quyền lợi của họ.

4. Trong trường hợp sau khi điều trị, người bị thiệt hại mất khả năng lao động và cần có người thường xuyên chăm sóc (người bị thiệt hại không còn khả năng lao động do bị liệt cột sống, mù hai mắt, liệt hai chi, bị tâm thần nặng hoặc các trường hợp khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định dẫn đến bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên) thì phải bồi thường chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại.

a) Chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại bao gồm: chi phí hợp lý hàng tháng cho việc nuôi dưỡng, điều trị người bị thiệt hại và chi phí hợp lý cho người thường xuyên chăm sóc người bị thiệt hại;

b) Chi phí hợp lý cho người thường xuyên chăm sóc người bị thiệt hại được tính bằng mức tiền công trung bình trả cho người chăm sóc người tàn tật tại địa phương nơi người bị thiệt hại cư trú. Về nguyên tắc, chỉ tính bồi thường thiệt hại cho một người chăm sóc người bị thiệt hại do mất khả năng lao động.

5. Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm.

a) Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm được bồi thường cho chính người bị thiệt hại.

b) Trong mọi trường hợp, khi sức khỏe bị xâm phạm, người bị thiệt hại được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Căn cứ vào hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này để xác định mức độ tổn thất về tinh thần của người bị thiệt hại. Việc xác định mức độ tổn thất về tinh thần căn cứ vào sự ảnh hưởng đến nghề nghiệp, thẩm mỹ, giao tiếp xã hội, sinh hoạt gia đình và cá nhân...

c) Mức bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị thiệt hại trước hết do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được, thì mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị thiệt hại phải căn cứ vào mức độ tổn thất về tinh thần, nhưng mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường.

6. Công việc nội trợ và công việc khác có liên quan để duy trì đời sống chung được coi như lao động có thu nhập. Thu nhập của người chỉ làm công việc nội trợ được tính là mức thu nhập tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

## **Điều 8. Về thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm quy định tại Điều 591 Bộ luật Dân sự**

1. Thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm là toàn bộ những gì thuộc thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự và hướng dẫn tại Điều 7 Nghị quyết này. Do vậy, bao gồm cả thu nhập thực tế của người bị thiệt hại, của người chăm sóc người bị thiệt hại khi đang cấp cứu, điều trị, thiệt hại về tinh thần khi người bị hại chưa chết.

*Phương án 2:* Không chấp nhận bồi thường thiệt hại về tinh thần trong thời gian người bị hại được cứu chữa trước khi chết.

2. Chi phí hợp lý cho việc mai táng bao gồm: các khoản tiền mua quan tài, các vật dụng cần thiết cho việc khâm liệm, khăn tang, hương, nến, hoa, thuê xe tang và các khoản chi khác phục vụ cho việc chôn cất, xây mộ, bốc mộ hoặc hỏa táng nạn nhân theo phong tục địa phương.

*Phương án 1:* Không chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí cúng tế, lễ bái, ăn uống, xây mộ, bốc mộ...

*Phương án 2:* Chấp nhận yêu cầu bồi thường về chi phí nêu trên. Nếu người chết được hỏa táng thì chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí hỏa táng (gồm tiền hỏa táng, tiền xe, tiền phục vụ khâm liệm...).

3. Khoản tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng trước khi chết.

a) Chỉ xem xét khoản tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng, nếu trước khi tính mạng bị xâm phạm người bị thiệt hại thực tế đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Những người đang được người bị thiệt hại cấp dưỡng được bồi thường khoản tiền cấp dưỡng tương ứng đó. Đối với những người mà người bị thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng nhưng sau khi người bị thiệt hại bị xâm phạm tính mạng, thì những người này được bồi thường khoản tiền cấp dưỡng hợp lý phù hợp với thu nhập và khả năng thực tế của người phải bồi thường, nhu cầu thiết yếu của người được bồi thường.

Thời điểm cấp dưỡng được tính từ thời điểm người có tính mạng bị xâm phạm chết.

b) Đối tượng được bồi thường khoản tiền cấp dưỡng.

- Vợ hoặc chồng không có khả năng lao động, không có tài sản để tự nuôi mình và được chồng hoặc vợ là người bị thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng;

- Con chưa thành niên hoặc con đã thành niên, con nuôi nhưng không có khả năng lao động, không có tài sản để tự nuôi mình và không còn người khác cấp dưỡng mà cha, mẹ là người bị thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng;

- Cha, mẹ là người không có khả năng lao động, không có tài sản để tự nuôi mình mà con là người bị thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng;

- Vợ hoặc chồng sau khi ly hôn đang được bên kia (chồng hoặc vợ trước khi ly hôn) là người bị thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng;

- Con chưa thành niên hoặc con đã thành niên không có khả năng lao động, không có tài sản để tự nuôi mình mà cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi



dưỡng là người bị thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng;

- Em ruột chưa thành niên không có tài sản để tự nuôi mình hoặc em ruột đã thành niên không có khả năng lao động, không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có khả năng lao động không có tài sản để cấp dưỡng cho con được anh, chị em ruột đã thành niên là người bị thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng;

- Anh, chị em ruột không có khả năng lao động, không có tài sản để tự nuôi mình mà em đã thành niên là người bị thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng;

- Cháu chưa thành niên hoặc cháu đã thành niên không có khả năng lao động, không có tài sản để tự nuôi mình và không còn người khác cấp dưỡng mà ông bà nội, ông bà ngoại sống chung với cháu là người bị thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng;

- Ông bà nội, ông bà ngoại không có khả năng lao động, không có tài sản để tự nuôi mình và không có người khác cấp dưỡng mà cháu đã thành niên là người bị thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng;

- Cô, dì, chú, bác ruột của người bị thiệt hại nhưng không có con, cháu hoặc người thân thích nào khác nuôi dưỡng và người bị thiệt hại là người đang trực tiếp nuôi dưỡng.

4. Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do tính mạng bị xâm phạm.

a) Người được nhận khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần trong trường hợp này là những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của người bị xâm phạm tính mạng bao gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người bị thiệt hại;

b) Trường hợp không có những người được hướng dẫn tại điểm a khoản 4 Điều này, thì người được nhận khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là người mà người bị thiệt hại đã trực tiếp nuôi dưỡng, người đã trực tiếp nuôi dưỡng người bị thiệt hại;

c) Trong mọi trường hợp, khi tính mạng bị xâm phạm, những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất hoặc người mà người bị thiệt hại đã trực tiếp nuôi dưỡng, người đã trực tiếp nuôi dưỡng người bị thiệt hại (sau đây gọi chung là người thân thích) của người bị thiệt hại được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Căn cứ vào hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này để xác định mức độ tổn thất về tinh thần của những người thân thích của người bị thiệt hại. Việc xác định mức độ tổn thất về tinh thần phải căn cứ vào địa vị của người bị thiệt hại trong gia đình, mối quan hệ trong cuộc sống giữa người bị thiệt hại và những người thân thích của người bị thiệt hại...

d) Mức bồi thường chung khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần trước hết do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được, thì mức bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho tất cả những người thân thích của người bị thiệt hại phải căn cứ vào mức độ tổn thất về tinh thần, số lượng người thân thích của họ, nhưng mức tối đa cho một người có tính mạng bị xâm phạm không quá một trăm lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường.

Ví dụ: Trong vụ án vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, người gây thiệt hại tính mạng cho 10 người chết trong 01 gia đình mà chỉ còn 01 người còn sống (người còn sống là người thân thích duy nhất) thì mức được bồi thường tổn thất về tinh thần là không quá một nghìn lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường.

**Điều 9. Về thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm quy định tại Điều 592 Bộ luật Dân sự**

1. Chi phí hợp lý để hạn chế, khắc phục thiệt hại bao gồm: chi phí cần thiết cho việc thu hồi vật phẩm có nội dung xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người bị thiệt hại; chi phí cho việc thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm; tiền tàu, xe đi lại, thuê nhà trọ (nếu có) theo giá trung bình ở địa phương nơi thực hiện việc chi phí để yêu cầu cơ quan chức năng xác minh sự việc, cải chính trên các phương tiện thông tin đại chúng; chi phí tổ chức xin lỗi, cải chính công khai tại nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người bị thiệt hại và các chi phí thực tế, cần thiết khác để hạn chế, khắc phục thiệt hại (nếu có).

2. Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút.

a) Nếu trước khi danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm, người bị xâm phạm có thu nhập thực tế, nhưng do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm người bị xâm phạm phải thực hiện những công việc để hạn chế, khắc phục thiệt hại, nên khoản thu nhập thực tế của họ bị mất hoặc bị giảm sút, thì họ được bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút đó;

b) Việc xác định thu nhập thực tế của người bị xâm phạm và việc xác định thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị xâm phạm được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết này.

3. Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm;

a) Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm được bồi thường cho chính người bị xâm phạm.

b) Trong mọi trường hợp khi danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm, người bị xâm phạm được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Căn cứ vào hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này để xác định mức độ tổn thất về tinh thần của người bị xâm phạm. Việc xác định mức độ tổn thất về tinh thần phải căn cứ vào hình thức xâm phạm (bằng lời nói hay đăng trên báo viết hay báo hình, mạng xã hội, phương tiện khác như youtube....), hành vi xâm phạm, mức độ lan truyền thông tin xúc phạm...

c) Mức bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị xâm phạm trước hết do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được, thì mức bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần phải căn cứ vào mức độ tổn thất về tinh thần, nhưng mức tối đa cho một người có danh dự, nhân phẩm, uy

tín bị xâm phạm không quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường.

**Điều 10. Về thời hạn hưởng bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khỏe bị xâm phạm quy định tại Điều 593 Bộ luật Dân sự**

1. Trường hợp người bị thiệt hại mất hoàn toàn khả năng lao động, thì người bị thiệt hại được hưởng khoản tiền bồi thường được hướng dẫn tại điểm a khoản 4 Điều 7 Nghị quyết này từ thời điểm mất hoàn toàn khả năng lao động cho đến khi chết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Đối với việc cấp dưỡng được hướng dẫn tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết này chấm dứt khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Việc các bên thỏa thuận bồi thường 01 lần với 01 khoản tiền tương ứng với số năm nhất định là không vi phạm quy định tại Điều 593 Bộ luật Dân sự.

**Điều 11. Về bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra quy định tại Điều 598 Bộ luật Dân sự**

Thiệt hại do người thi hành công vụ không thực hiện hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn không đúng quy định của pháp luật thì Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Trường hợp người bị thiệt hại khởi kiện thì Tòa án xem xét, thụ lý, giải quyết theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

**Điều 12. Về bồi thường thiệt hại do người chưa đủ mười lăm tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự gây ra trong thời gian trường học, bệnh viện, pháp nhân khác trực tiếp quản lý quy định tại Điều 599 Bộ luật Dân sự**

1. “Trong thời gian trường học trực tiếp quản lý” quy định tại khoản 1 Điều 599 là trong thời gian mà người chưa đủ mười lăm tuổi ở trong khuôn viên trường học không phụ thuộc vào việc đã hay chưa vào giờ học, thời khóa biểu của người đó. Không tính thời gian nghỉ học theo quy định của nhà trường.

2. Người mất năng lực hành vi dân sự gây thiệt hại cho người khác trong thời gian bệnh viện, pháp nhân khác trực tiếp quản lý thì phải làm thủ tục tuyên bố người đó mất năng lực hành vi dân sự trước khi giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại.

**Điều 13. Về bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra quy định tại Điều 601 Bộ luật Dân sự**

1. Xác định nguồn nguy hiểm cao độ

a) Khi có phương tiện giao thông, công trình, vật, chất hoặc loại thú nào đó gây ra thiệt hại để có căn cứ áp dụng các khoản 2, 3 và 4 Điều 601 Bộ luật Dân sự xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại, thì phải xác định nguồn gây ra thiệt hại có phải là nguồn nguy hiểm cao độ hay không;

b) Để xác định nguồn nguy hiểm cao độ cần phải căn cứ vào khoản 1

Điều 601 Bộ luật Dân sự và văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan hoặc quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về lĩnh vực cụ thể đó. Ví dụ: Để xác định phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thì phải căn cứ vào Luật Giao thông đường bộ. Theo quy định tại điểm 18 Điều 3 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 thì phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gồm xe ô tô; máy kéo; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô, máy kéo; xe mô tô hai bánh; xe mô tô ba bánh; xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự.

2. Xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra

a) Chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ đang chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Chủ sở hữu đang chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ là đang thực hiện mọi hành vi theo ý chí của mình để nắm giữ, quản lý nguồn nguy hiểm cao độ, nhưng không được trái pháp luật, đạo đức xã hội; khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ nguồn nguy hiểm cao độ;

b) Người chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, trừ trường hợp giữa chủ sở hữu và người được giao chiếm hữu, sử dụng có thỏa thuận khác không trái pháp luật, đạo đức xã hội hoặc không nhằm trốn tránh việc bồi thường.

Ví dụ: Các thỏa thuận sau đây là không trái pháp luật, đạo đức xã hội hoặc không nhằm trốn tránh việc bồi thường:

- Thỏa thuận cùng nhau liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại;
- Thỏa thuận chủ sở hữu bồi thường thiệt hại trước, sau đó người được giao chiếm hữu, sử dụng sẽ hoàn trả cho chủ sở hữu khoản tiền đã bồi thường;
- Ai có điều kiện về kinh tế hơn thì người đó thực hiện việc bồi thường thiệt hại trước.

Trong trường hợp chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ giao cho người khác chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ không theo đúng quy định của pháp luật mà gây thiệt hại, thì chủ sở hữu phải bồi thường thiệt hại.

Ví dụ: Chủ sở hữu biết người đó không có bằng lái xe ô tô, nhưng vẫn giao quyền chiếm hữu, sử dụng cho họ mà gây thiệt hại thì chủ sở hữu phải bồi thường thiệt hại.

c) Về nguyên tắc chung chủ sở hữu, người chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra cả khi không có lỗi, trừ các trường hợp sau đây:

- Thiệt hại xảy ra là hoàn toàn do lỗi cố ý của người bị thiệt hại;

Ví dụ: Xe ô tô đang tham gia giao thông theo đúng quy định của pháp luật, thì bất ngờ có người lao vào xe để tự tử và hậu quả là người này bị thương nặng hoặc bị chết. Trong trường hợp này, chủ sở hữu, người chiếm hữu, sử dụng hợp

pháp xe ô tô đó không phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ (xe ô tô) gây ra.

- Thiệt hại xảy ra trong trường hợp bất khả kháng hoặc tình thế cấp thiết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Cần chú ý là trong trường hợp pháp luật có quy định khác về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra trong trường hợp bất khả kháng hoặc tình thế cấp thiết thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại được thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật đó.

d) Người chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, nếu chủ sở hữu, người chiếm hữu, sử dụng hợp pháp không có lỗi trong việc để nguồn nguy hiểm cao độ bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật (đã tuân thủ các quy định về vận hành, sử dụng, bảo quản, trông giữ, vận chuyển nguồn nguy hiểm cao độ theo đúng các quy định của pháp luật).

Nếu chủ sở hữu, người chiếm hữu, sử dụng hợp pháp có lỗi trong việc để nguồn nguy hiểm cao độ bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật (không tuân thủ hoặc tuân thủ không đầy đủ các quy định về vận hành, sử dụng, bảo quản, trông giữ, vận chuyển nguồn nguy hiểm cao độ theo quy định của pháp luật) thì phải liên đới cùng với người chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra.

đ) Nếu chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ đã giao nguồn nguy hiểm cao độ cho người khác mà gây thiệt hại thì phải xác định trong trường hợp cụ thể đó người được giao nguồn nguy hiểm cao độ có phải là người chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ hay không để xác định ai có trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Ví dụ: A là chủ sở hữu xe ô tô đã giao xe ô tô đó cho B. B lái xe ô tô tham gia giao thông đã gây ra tai nạn và gây thiệt hại thì cần phải phân biệt:

- Nếu B chỉ được A thuê lái xe ô tô và được trả tiền công, có nghĩa B không phải là người chiếm hữu, sử dụng xe ô tô đó mà A vẫn chiếm hữu, sử dụng; do đó, A phải bồi thường thiệt hại.

- Nếu B được A giao xe ô tô thông qua hợp đồng thuê tài sản, có nghĩa A không còn chiếm hữu, sử dụng xe ô tô đó mà B là người chiếm hữu, sử dụng hợp pháp; do đó, B phải bồi thường thiệt hại. Nếu trong trường hợp được sự đồng ý của A, B giao xe ô tô cho C thông qua hợp đồng cho thuê lại tài sản, thì C là người chiếm hữu, sử dụng hợp pháp xe ô tô đó; do đó, C phải bồi thường thiệt hại.

**Điều 14. Về bồi thường thiệt hại do xâm phạm mồ mã quy định tại Điều 607 Bộ luật Dân sự**

Người xâm phạm đến khuôn viên quy hoạch để xây dựng mồ mã trong trường hợp chưa có mồ mã thì không phải bồi thường thiệt hại do xâm phạm mồ mã.

## **Điều 15. Hiệu lực thi hành của Nghị quyết**

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày            tháng            năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ..... tháng ..... năm 2021.

2. Đối với những trường hợp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng mà có văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể về bồi thường, thì việc giải quyết được thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật đó.

3. Đối với những trường hợp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng phát sinh trước ngày 01-01-2017 (ngày Bộ luật Dân sự có hiệu lực), thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005, các văn bản pháp luật hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 và hướng dẫn của Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết, trừ hướng dẫn về thời hiệu tại Điều 5 Nghị quyết này.

4. Đối với các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà trong đó có quyết định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng được hướng dẫn trong Nghị quyết này, thì không áp dụng Nghị quyết này để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm, trừ trường hợp việc kháng nghị bản án, quyết định có căn cứ khác.

5. Trong quá trình thực hiện nêu có vướng mắc, đề nghị phản ánh cho Tòa án nhân dân tối cao (thông qua Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học) để hướng dẫn bổ sung kịp thời.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Ban Chỉ đạo CCTPTW;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (02 bản);
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Các TAND và TAQS;
- Các Thẩm phán TANDTC;
- Các đơn vị thuộc TANDTC;
- Công TTĐT TANDTC (để đăng tải);
- Lưu: VT, Vụ PC&QLKH (TANDTC).

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN  
CHÁNH ÁN**

**Nguyễn Hòa Bình**